TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2024
"V*/v Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương.
Bà Lê Thị Minh Khánh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2024/TB-TLST ngày 05/12/2024 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: anh Quách Tiến Đ; sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

+Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của anh Quách Tiến Đ là anh Vũ Trọng B, sinh năm: 2001.
Địa chỉ: Số C, phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

***Bị đơn:** chị Trần Thị L; sinh năm 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 01/11/2024 nguyên đơn anh Quách Tiến Đ trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: năm 2017 anh và chị Trần Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 26/6/2017 được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì anh và chị L cùng sang Nhật Bản làm việc, đến khoảng đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đến tháng 10/2021 thì vợ chồng sống ly thân và đến tháng 9/2022 thì chị L về Việt Nam sinh sống và làm việc. Kể từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ còn trình bày: hiện nay anh đang lao động tại Nhật Bản nên anh không về Việt Nam để tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Trần Thị L được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị L. Anh tự nguyện lập và điểm chỉ xác thực tại các văn bản trong hồ sơ khởi kiện, anh đề nghị Tòa tiến hành trưng cầu giám định dấu vân tay của anh hiện do Công an tỉnh N lưu trữ quản lý dữ liệu của công dân và dấu vân tay anh cung cấp trong hồ sơ.

Anh cũng ủy quyền cho Vũ Trọng B, sinh năm: 2001 có địa chỉ tại số C, phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội thay mặt anh nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, nhận bản án, trích lục và các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

Tại Kết luận giám định số 2658/KL-KTHS ngày 16/12/2024 của Phòng K-Công an tỉnh B đã kết luận:

Dấu vân tay màu đen in tại mục "Người khởi kiện", " Người khai" "người ủy quyền" và ở cuối các trang giấy trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với dấu vân tay ở ô "Trỏ phải" trên bản sao Chỉ bản số 164504106, mang tên Quách Tiến Đ, sinh ngày 03/02/1993 (ký hiệu M) do Phòng C về TTXH-Công an tỉnh N cung cấp **là của cùng một người**.

Bị đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quách Tiến Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám

cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2017 chị và anh Đ cùng sang Nhật Bản làm việc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 10/2021 thì vợ chồng đã sống ly thân nhau và từ tháng 9/2022 thì chị đã về Việt Nam sinh sống và làm việc, kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh Quách Tiến Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh Quách Tiến Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Quách Tiến Đ, chị Trần Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đ; bản tự khai của chị L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Quách Tiến Đ đang cư trú ở nước ngoài có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của minh được quy định trong Bộ luật TTDS, bị đơn chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX xử vắng mặt anh Đ và chị L là đúng.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, X: cho anh Quách Tiến Đ được ly hôn chị Trần Thị Lương

Anh Quách Tiến Đạt phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh Quách Tiến Đ và chị Trần Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ, chị L.

[2]. Về thẩm quyền: anh Quách Tiến Đ là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Nhật Bản có đơn xin ly hôn chị Trần Thị L, chị L có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: anh Quách Tiến Đ và chị Trần Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó cả hai vợ chồng cùng sang Nhật Bản làm việc, quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 10/2021 thì vợ chồng đã sống ly thân nhau và đến tháng 9/2022 thì chị L về Việt Nam sinh sống và làm việc và cũng kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh Đ1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ1 xin ly hôn chị L, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng đồng ý ly hôn với anh Đ1. Hội đồng xét xử thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Đ1 và chị L được ly hôn.

[4]. Về con chung: Anh Đ1 và chị L đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Anh Đ1 và chị L đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: anh Quách Tiến Đ1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về chi phí giám định: anh Quách Tiến Đại tự N nhận chịu toàn bộ chi phí giám định, nên không xem xét giải quyết.

[8]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1.Về hôn nhân: anh Quách Tiến Đ được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về án phí: anh Quách Tiến Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000264 ngày 05/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn là anh Quách Tiến Đ đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
-Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Chung